KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần — 2024: **0.66** tỷ VNĐ — YoY ▼ 1.25 ▼ 65.2%

LN gộp — 2024: **0.45** tỷ VNĐ — YoY ▲ 0.18 ▲ 68.8%

LN thuần — 2024: **-1.37** tỷ VNĐ — YoY ▲ 1.74 ▲ 56.1%

LN sau thuế — 2024: **-1.37** tỷ VNĐ — YoY ▲ 1.81 ▲ 56.8%

ROE — 2024: **-47.2%** — +/- YoY ▲ 14.1%

ROA — 2024: **-2.5%** — +/- YoY ▲ 2.7%

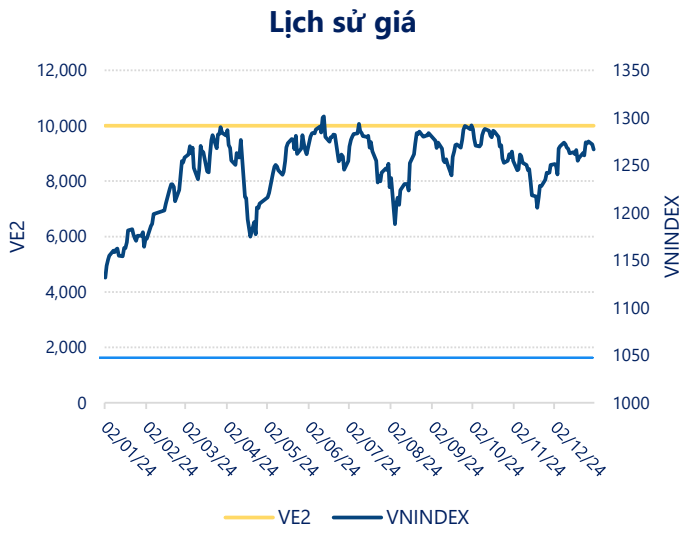

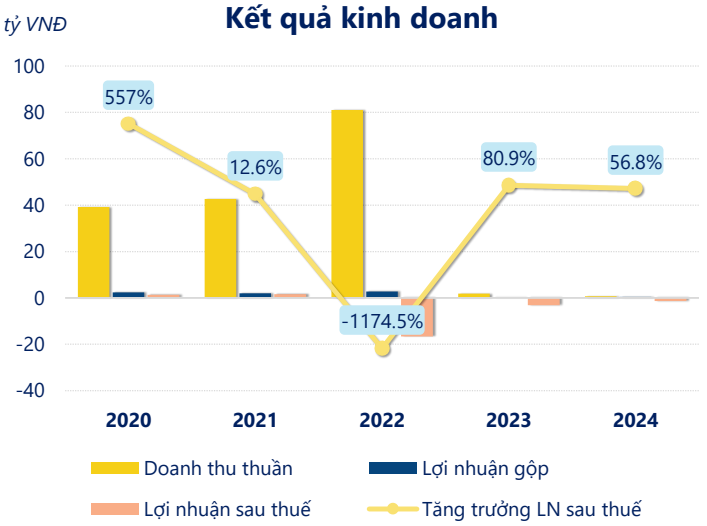

Kết quả kinh doanh **VE2** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 65.2%** chỉ còn **0.66** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 56.8%** đạt **-1.37** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -47.2% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

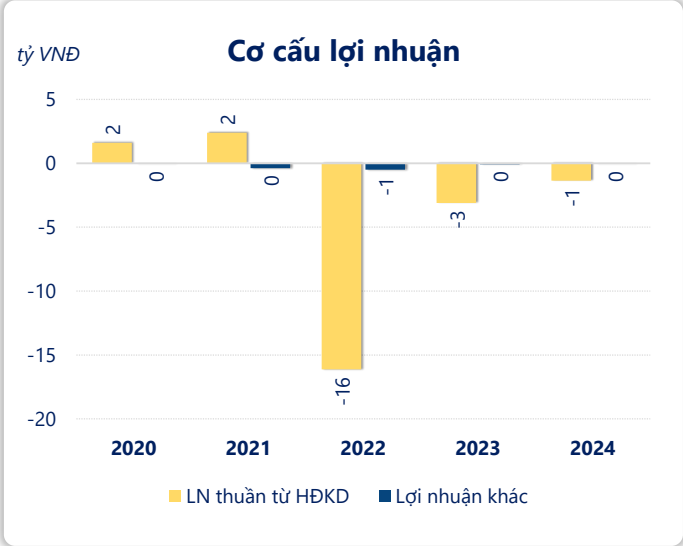

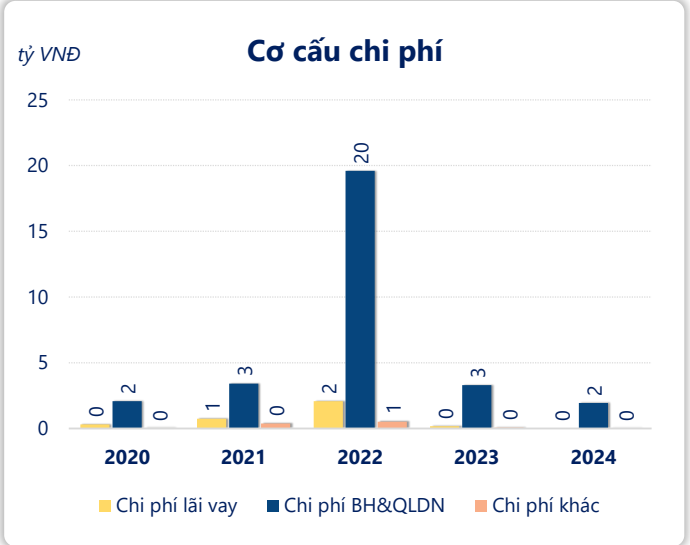

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VE2** năm **2024 tăng lên 1.74** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 1.37 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2022** là 16.12 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **1.94** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.01** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VE2 năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-47.2%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

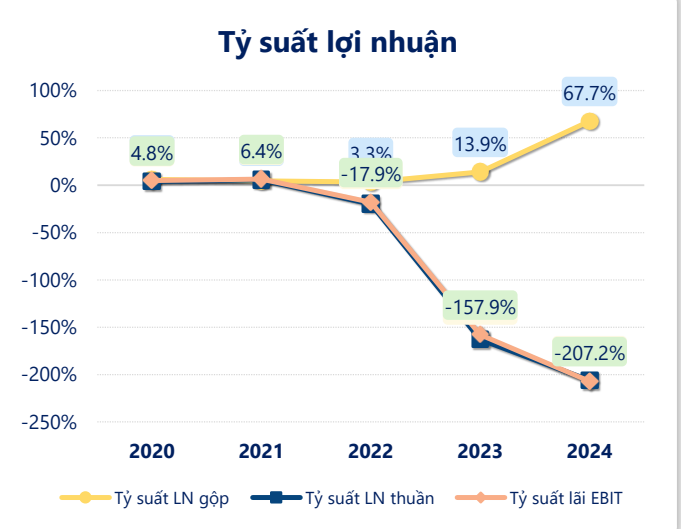

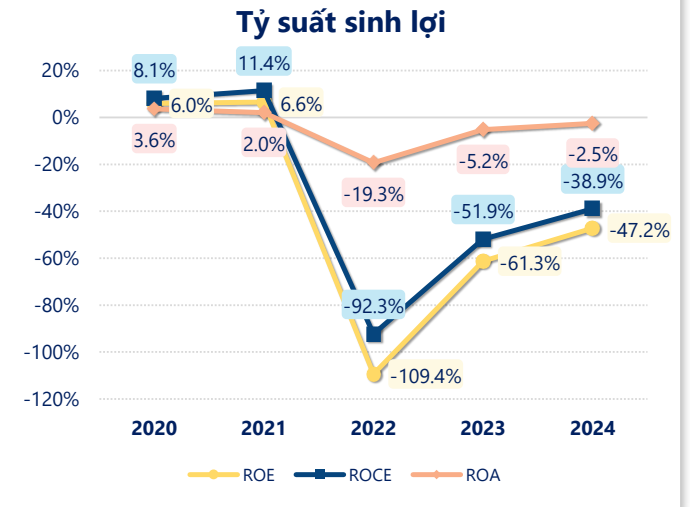

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**39.2**	**42.7**	**81.1**	**1.91**	**0.66**
Giá vốn hàng bán	36.9	40.8	78.4	1.64	0.21
Lợi nhuận gộp	**2.36**	**1.94**	**2.70**	**0.27**	**0.45**
Doanh thu HĐTC	0.23	2.48	2.86	0.17	0.13
Chi phí TC	-1.09	-1.39	2.09	0.25	0.00
Chi phí lãi vay	**0.30**	**0.73**	**2.07**	**0.17**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.07	3.41	19.6	3.29	1.94
LN thuần từ HĐKD	**1.61**	**2.38**	**-16.1**	**-3.11**	**-1.37**
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.38	-0.50	-0.07	-0.01
LN trước thuế	**1.58**	**2.00**	**-16.6**	**-3.18**	**-1.37**
Lợi nhuận sau thuế	**1.37**	**1.55**	**-16.6**	**-3.18**	**-1.37**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.37**	**1.55**	**-16.6**	**-3.18**	**-1.37**

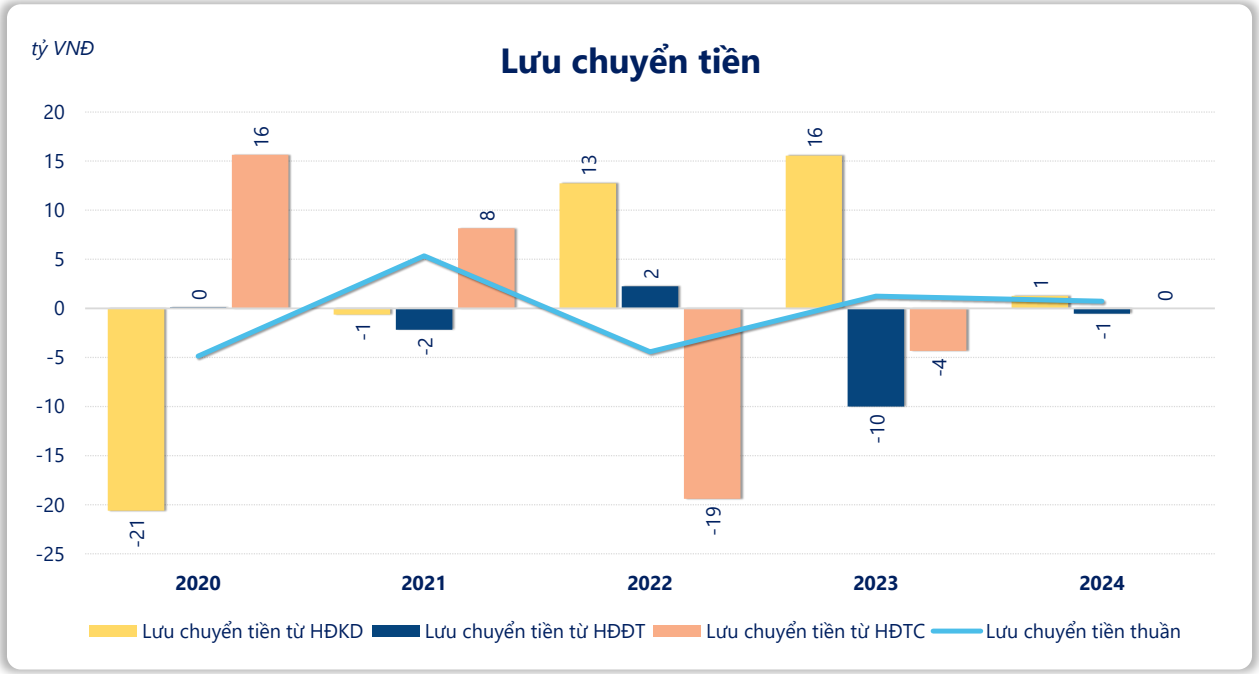

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VE2 bằng **0.72** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (1.25 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1.27** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.55** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.